

Ủy ban Kế hoạch Nhà nước phối hợp với các Bộ Tổng cục nghiên cứu trình Hội đồng Chính phủ ban hành các chế độ kế hoạch hóa, trước mắt là chế độ kế hoạch hóa đầu tư xây dựng cơ bản; bảng danh mục phân công cân đối vật tư, thiết bị, hàng hóa; chế độ công tác kế hoạch hóa của liên hiệp các xí nghiệp nhằm nâng cao hiệu lực của kế hoạch, tăng cường pháp chế trong công tác kế hoạch hóa.

Kết hợp chặt chẽ các biện pháp về kinh tế, hành chính, giáo dục chính trị tư tưởng để phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động ở cơ sở, địa phương và trong cả nước theo nghị định số 182-CP của Hội đồng Chính phủ ban hành ngày 26-4-1979, phát động phong trào thi đua sôi nổi, liên tục, nâng cao tính chủ động, sáng tạo của các tầng lớp nhân dân nhằm khắc phục khó khăn, phấn đấu tăng năng suất lao động... bảo đảm hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch năm 1979 và xây dựng tốt kế hoạch năm 1980.

4. Chấp hành nghiêm chỉnh trình tự, tiến độ lập và giao kế hoạch.

Sau khi Thủ tướng Chính phủ giao số kiểm tra kế hoạch năm 1980 cho các ngành và các địa phương, trước ngày 15 tháng 6 năm 1979, các Bộ, Tổng cục và tỉnh, thành phố giao xong số kiểm tra kế hoạch cho các huyện, các liên hiệp xí nghiệp và các đơn vị cơ sở.

Các tháng 6, 7 năm 1979: các huyện, các liên hiệp xí nghiệp và các đơn vị cơ sở xây dựng kế hoạch.

Các tháng 8, 9 năm 1979: các Bộ, Tổng cục, tỉnh, thành phố tổng hợp cân đối kế hoạch của ngành, của địa phương và vùng lãnh thổ. Tháng 9 năm 1979, các ngành, các địa phương bảo vệ kế hoạch với Nhà nước.

Tháng 10 năm 1979: Ủy ban Kế hoạch Nhà nước tổng hợp cân đối kế hoạch; đầu tháng 11 trình kế hoạch lên cơ quan lãnh đạo Đảng và Nhà nước quyết định.

Đầu tháng 12 năm 1979: Hội đồng Chính phủ giao kế hoạch chính thức cho các Bộ, Tổng cục, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố. Sau đó, các Bộ, Tổng cục, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố giao kế hoạch năm 1980 cho các huyện, các liên hiệp xí nghiệp và các đơn vị cơ sở (kèm theo kế hoạch quý I năm 1980).

Trên đây là một số công việc cấp bách về đổi mới công tác kế hoạch hóa cần tiến hành trong việc xây dựng và tổng hợp kế hoạch Nhà nước năm 1980. Thủ tướng Chính phủ giao trách nhiệm cho các ngành, các cấp thực hiện tốt các việc trên đây. Ủy ban Kế hoạch Nhà nước theo dõi và báo cáo lên Thường vụ Hội đồng Chính phủ kết quả thực hiện các công việc đã nêu ở chỉ thị này.

Hà Nội, ngày 17 tháng 5 năm 1979

K.T. Thủ tướng Chính phủ

Phó thủ tướng

LÊ THANH NGHỊ

CÁC BỘ

LIÊN BỘ

ỦY BAN GIÁT GIÁ NHÀ NƯỚC - GIAO THÔNG VẬN TẢI

THÔNG TƯ liên bộ số 286-TT/LB ngày 12-5-1979 hướng dẫn thi hành quy định số 140-TTg ngày 21-4-1979 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng giá cước vận tải thống nhất ở các tỉnh miền Nam.

Căn cứ quyết định số 140-TTg ngày 21-4-1979 của Thủ tướng Chính phủ cho phép ngành vận tải ở các tỉnh phía Nam

09636535

kê từ Quảng Nam — Đà Nẵng trở vào được thi hành thống nhất biểu cước vận tải hàng hóa bằng đường sắt, ô-tô và cơ giới đường sông ban hành theo nghị định số 170-CP ngày 26-11-1964 của Hội đồng Chính phủ và biểu cước vận tải hành khách hiện hành ở các tỉnh phía Bắc; nay Ủy ban Vật giá Nhà nước và Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn việc thi hành cụ thể như sau.

I. Đối với vận tải đường sắt.

Thi hành thống nhất các biểu cước sau đây :

1. Biểu cước vận tải hàng hóa ban hành theo nghị định số 170-CP ngày 26-11-1964 của Hội đồng Chính phủ và thông tư số 1-KT/VT ngày 5-1-1965 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thi hành nghị định nói trên.

2. Biểu cước vận tải hành khách bằng đường sắt như hiện hành ở các tỉnh phía Bắc. Giá cước là 0,02 đ/hành khách — kilômét cho các loại toa xe ghế ngang và ghế dọc. Đối với loại toa xe cũ của nguy quyền Sài Gòn ghế băng là 0,015đ/hành khách — kilômét.

II. Đối với vận tải ô-tô.

Vận dụng tinh thần điều 1 của quyết định số 140-TTg, căn cứ vào tình hình tổ chức vận chuyển hàng hóa và hành khách bằng ô-tô ở các tỉnh phía Nam, liên bộ quy định cụ thể việc áp dụng giá cước vận tải hàng hóa và hành khách bằng ô-tô như sau :

1. Vận chuyển hàng hóa :

a) Nay áp dụng thống nhất biểu cước của nghị định số 170-CP cho vận tải hàng hóa bằng ô-tô ở các tuyến đường phía Nam (cước này đã dự trù trước đến việc thống nhất giá xăng dầu ở hai miền).

b) Đối với các loại đường đặc biệt tốt (bao gồm các tuyến đường quốc lộ 1A từ đèo Hải Vân đến thành phố Hồ Chí Minh và Tây Ninh; tuyến đường quốc

lộ 4 từ thành phố Hồ Chí Minh đến Cần Thơ thuộc tỉnh Hậu Giang và Bạc Liêu thuộc tỉnh Minh Hải). Mức cước được áp dụng là cước đường loại 1 giảm 15%.

c) Vận chuyển hàng hóa đường ngắn bằng ô-tô trong phạm vi từ 1 đến 30 kilômét áp dụng như biểu cước vận tải hàng hóa đường ngắn bằng ô-tô ban hành theo quyết định liên bộ số 18-QĐ/LB ngày 13-2-1975 của liên bộ Ủy ban Vật giá Nhà nước — Bộ Giao thông vận tải.

d) Thi hành thống nhất ở các tỉnh phía Nam các thông tư số 23-KT/VT ngày 22-12-1964 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thi hành nghị định số 170-CP ngày 26-11-1964 của Hội đồng Chính phủ (trong đó đã hủy bỏ điểm a, phần II của thông tư về giá cước theo tấn xe giờ và tấn xe/kilômét lần hành như đã nói rõ trong quyết định số 18-QĐ/LB) và thông tư số 9-VT ngày 1-8-1965 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn cách tính huy động phí cho phương tiện vận tải cơ giới, thô sơ đường thủy và đường bộ.

2. Vận chuyển hành khách :

a) Biểu cước áp dụng cho vận tải hành khách bằng ô-tô ở các tỉnh phía Nam được tính theo biểu cước hành khách hiện hành của phía Bắc. Riêng ở các tuyến đường đặc biệt tốt (nêu ở điểm b, mục II, phần I) giảm 15% trên mức cước đường loại 1 của biểu cước hành khách hiện hành miền Bắc. Cụ thể giá cước một hành khách — kilômét trên các loại đường như sau :

Đường đặc biệt tốt: 0,017 đ/hành khách-kilômét

Đường loại 1 và 2: 0,02 đ/hành khách-kilômét

Đường loại 3: 0,026 đ/hành khách-kilômét

Đường loại 4: 0,034 đ/hành khách-kilômét

Đường loại 5: 0,045 đ/hành khách-kilômét

b) Về giá cước vận chuyển hành khách đường ngắn trong nội và ngoại thành, cước vận chuyển cán bộ, công nhân viên đi làm theo vé tháng, liên bộ giao cho Ủy ban nhân dân các tỉnh và thành phố căn cứ vào điều kiện vận chuyển hành khách cụ thể của địa phương mình mà lập phương án báo cáo với liên bộ để giải quyết.

Trong lúc chờ đợi, vẫn thi hành biểu cước vận tải hành khách trong nội tỉnh như hiện hành.

3. Phân cấp loại đường cụ thể ở các tỉnh và thành phố phía Nam do Bộ Giao thông vận tải công bố.

III. Đối với vận tải đường sông.

1. Thi hành thống nhất biểu cước vận tải hàng hóa bằng phương tiện cơ giới đường sông đã ban hành theo nghị định số 170-CP ngày 26-11-1964 của Hội đồng Chính phủ và thông tư số 23-KT/VT ngày 22-12-1964 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thi hành nghị định nói trên.

2. Đối với các địa phương phía Nam (kể từ Quảng Nam-Đà Nẵng trở vào) địa phương nào đã được Bộ Giao thông vận tải công bố bằng phân loại sông theo từng khu vực thì áp dụng biểu cước của từng khu vực cụ thể, địa phương nào chưa phân loại sông thì lập dự kiến phân loại sông và thông qua Cục vận tải đường sông đề trình Bộ Giao thông vận tải xét duyệt và công bố. Trong lúc chưa được công bố bằng phân loại sông thì các địa phương đó vẫn thi hành biểu cước vận tải hàng hóa trên sông khu vực 1 đã ban hành trong nghị định.

3. Đối với thuyền gấn máy đường sông và biển loại nhỏ từ 30 tấn trở xuống, vận chuyển hàng hóa trong phạm vi nội tỉnh áp dụng theo quyết định số 57-CVT/VGNN ngày 27-9-1972 của Ủy ban Vật giá Nhà nước.

IV. Đối với vận tải đường biển.

Thi hành thống nhất các biểu cước sau đây:

1. Biểu cước vận tải hàng hóa bằng tàu biển theo quyết định số 923-QĐ/LB ngày 21-3-1977 của liên bộ Ủy ban Vật giá Nhà nước-Bộ Giao thông vận tải.

2. Đối với các loại tàu nhỏ từ 150 tấn trở xuống như tàu Giải phóng, Tankitas, Tự lực... được thi hành biểu cước vận tải hàng hóa ban hành theo quyết định số 59-VGNN/CVT ngày 27-9-1972 của Ủy ban Vật giá Nhà nước.

Thông tư này bắt đầu thi hành từ ngày 1 tháng 6 năm 1979. Những quy định nào trước đây trái với quyết định của Thủ tướng Chính phủ và thông tư liên bộ này đều bãi bỏ.

Hà Nội, ngày 12 tháng 5 năm 1979

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải

PHAN TRỌNG TUỆ

Chủ nhiệm Ủy ban Vật giá Nhà nước

TÒ DUY

BỘ THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

THÔNG TƯ số 3-TBXH ngày 10-5-1979
hướng dẫn thi hành chính sách đối
với cán bộ về hưu.

Chỉ thị số 27-CT/TU ngày 24-12-1977 của Ban bí thư trung ương Đảng, điều 7 trong quyết định số 296-CP ngày 20-11-1978 và điều 3 trong quyết định số 198-CP ngày 8-8-1978 của Hội đồng Chính phủ có quy định việc giao công tác thích hợp để phát huy khả năng và việc bồi dưỡng cán bộ hưu trí, nghỉ việc vì mất sức lao động, việc sử dụng người về hưu làm việc theo thể thức hợp đồng.

Sau khi có ý kiến thống nhất của Ban tổ chức trung ương Đảng, Ban tổ chức

09636535

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com